BÀI HỌC SỐ 1

Thứ Ba, 18-8-2020

*** Câu lễ bái:**

- *Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa*.

(Kính lễ đến đức Thế Tôn ấy, ngài là bậc A-ra-hán, bậc Chánh Đẳng Giác.) (3 lần)

Namo [trung tính (trut.), được dùng như 1 thán từ tôn kính ở đầu kinh, chủ cách – paṭhamavibhatti (cc.), số ít (si.)]: sự tôn kính, sự kính lễ

Tassa [nhân xưng đại từ (nhxđat.) '*ta*', tặng cách – catutthavibhatti (tc.), si.]: đến vị ấy

Bhagavato [tính từ (tt.), tc., si.]: đến Thế Tôn

Arahato [tt., tc., si.]: đến bậc A-ra-hán

Sammā-sambudhassa [*sammā* (bất biến từ - bbt.): chân chánh + *sambuddhassa* (quá khứ phân từ - qkpt. của động từ *sambujjhati*, tc., si.] đến bậc Chánh Đẳng Chánh Giác

*** Câu phát nguyện:**

- *Buddhasāsanaṃ ciraṃ tiṭṭhatu.*

(Nguyện cho Phật Pháp được trường tồn.) (3 lần)

Buddhasāsanaṃ [*buddha* (qkpt.) của *bujjhati*: đức Phật, bậc đã giác ngộ + *sāsanaṃ* (trut., cc., si.) giáo lý/pháp]: Phật Pháp

Ciraṃ [trạng từ (trt.)] (cho được) trường tồn

Tiṭṭhatu [mệnh lệnh cách – pañcamī (mlc.), ngôi thứ 3 (3), si.] hãy tồn tại/trụ

- *Idaṃ me puññaṃ, nibbānassa paccayo hotu.* (Nguyện phước thiện này làm duyên đến Níp-bàn.) (3 lần)

Idaṃ [chỉ thị đại từ (cthđat.) '*ima*', cc., si.] cái này

Me [nhxđat., sở hữu cách (stc.), si.] của tôi/con

Puññaṃ [trut., cc., si.] phước báu

Nibbānassa [trut., tc., si.] đến Níp-bàn

Paccayo [nam tính (nt.), cc., sí.] duyên, điều kiện

Hotu [mlc. của *hoti*, 3, si.] hãy là

- *Sādhu* (thiện thay!) (3 lần)

Sādhu (tt.): tố đẹp, thiện lành

6 KỲ KẾT TẬP TAM TẠNG KINH ĐIỂN PĀḶI

Lần Kết tập	Ngày	Địa điểm	Vị chủ toạ	Tăng chúng tham dự	Thí chủ đại lễ	Nguyên nhân & Mục đích		Kéo dài	Các sự kiện quan trọng khác
Lần 1	3 tháng sau khi Phật viên tịch (543 B.C)	Hang Sattapaṇṇi, núi Vebhara, gần kinh thành Rājagaha (India)	Ngài Mahākassapa-mahāthera	500 vị Thánh A-ra-hán với 4 Tuệ phân tích[1]	Vua Ajātasattu (India)	Do lời nói bất kính đối với Pháp và Luật của vị tỳ-kheo Subhadda già sau khi Phật vừa viên tịch	Để gìn giữ sự tinh nguyên của Phật Pháp	7 tháng	Ngài Upāli đã trùng tuyên Luật, ngài Ānanda đã trùng tuyên về Pháp (bao gồm cả Abhidhamma)

[1] 4 Tuệ phân tích (*paṭisambhidā*): 1. Nghĩa đạt thông *(attha-paṭisambhidā)* tức trí hiểu rõ nghĩa lý của các pháp gồm cả Tục đế lẫn Chân đế; 2. Pháp đạt thông *(dhamma-paṭisambhidā)* tức trí hiểu rõ các nguyên lý của ý nghĩa, có khả năng tổng trì pháp đề; 3. Ngữ đạt thông *(nirutti-paṭisambhidā)* tức trí thiện xảo về ngôn ngữ dùng để trình bày pháp và nghĩa pháp; và 4. Biện đạt thông *(paṭibhāna-paṭisambhidā)* tức trí thiện xảo ứng đối, biết rõ cách lý luận, phân tích pháp. (A.ii, 160)

Lần 2	100 năm sau khi Phật viên tịch (443 B.C)	Tu viện Vālukārāma, gần kinh thành Vesālī (India)	Ngài Revata-mahāthera	700 vị Thánh A-ra-hán với 4 Tuệ phân tích	Vua Kālāsoka (India)	Do 10 việc làm sai lạc[2] với tinh thần giới Luật của nhóm tỳ-kheo Vajjiputtaka	Để gìn giữ sự tinh nguyên của Luật do Phật đã chế định	8 tháng	Ngài Sabbakāmi đã trùng tuyên về Luật. Tăng đoàn chia thành 2 phái: Theravādin và Mahāsaṅghika
Lần 3	235 năm sau khi Phật viên tịch (308 B.C)	Tu viện Asokārāma, kinh thành Pātaliputta (India)	Ngài Moggaliputta-tissamahāthera	1000 vị Thánh A-ra-hán với 4 Tuệ phân tích	Vua Dhammāsoka (India)	Do sự bành trướng của các tỳ-kheo giả mạo từ ngoại đạo xuất gia vào khiến Tăng chúng ở một số nơi không làm lễ Uposatha trong suốt 6 năm	Trục xuất các tỳ-kheo giả mạo và giữ gìn sự tinh nguyên của Tăng chúng	9 tháng	Hơn 60.000 tỳ-kheo giả mạo bị trục xuất. Ngài Moggaliputtissa-mahāthera đã phủ nhận các quan điểm sai lạc khác & trình bày tác phẩm Kathāvatthu vào Luận Tạng. 9 phái đoàn truyền giáo (dhammadūta)[3] được gởi đi theo 9 hướng đến các nước khác.

[2] 10 việc làm ấy là: 1. Được giữ muối trong ống sừng; 2. Được ăn khi mặt trời đã quá ngọ 2 ngón tay; 3. Được đi vào làng lúc phi thời; 4. Được làm lễ Uposatha riêng lẽ; 5. Được làm Tăng sự khi không đủ túc số tỳ-khưu; 6. Được duy trì sở hành của thầy tổ; 7. Được uống sữa chưa được khuấy phi thời; 8. Được uống nước trái cây lên men; 9. Được dùng toạ cụ không có viền quanh; và 10. Được giữ vàng bạc.

[3] 9 phái đoàn truyền giáo ấy là: 1. Phái đoàn của ngài Majjhantika đến xứ Kasmīra và Gandhāra; 2. Phái đoàn của ngài Mahādeva đến Mahisamaṇḍala; 3. Phái đoàn của ngài Rakkhita đến xứ Vanavāsi; 4. Phái đoàn của ngài Dhammarakkhita người xứ Yona đến xứ Aparantaka; 5. Phái đoàn của ngài Mahādhammarakkhita đến Mahāraṭṭha; 6. Phái đoàn của ngài Mahārakkhita đến quốc độ Yona; 7. Phái đoàn của ngài Majjhima đến vùng Hi Mã Lạp Sơn; 8. Phái đoàn của ngài Soṇaka và Uttara đến Suvaṇṇabhūmi; và 9. Phái đoàn của ngài Mahinda, Iṭṭhiya, Uttiya, Sambala, Bhaddasāla, sadi Sumana và nam cư sĩ Bhaṇḍuka đến đảo Laṅkā.

Lần 4	313 năm sau khi Phật viên tịch	Tu viện Thūpārāma, thành phố Anudharapura (Sri Laṅka)	Ngài Mahinda-mahāthera	1000 vị	Vua Devānampiya-tissaka (Sri Laṅka)	Theo Saddhamasaṅgaha, vì Phật Pháp mới được ngài Mahinda truyền bá sang nên vẫn chưa phát triển sâu rộng	Để cho Tipitaka & Aṭṭhakathā được phát triển sâu rộng tại đây bằng việc cho người địa phương xuất gia	1 năm	Ngài Ariṭṭha đã trùng tuyên về Luật. Vẫn kết tập theo kiểu khẩu truyền tâm thọ.[4]
	450 năm sau khi Phật viên tịch (93 B.C)	Hang Āloka, Aluvihāra, Matale, quận Malaya (Sri Laṅka)	Ngài Mahārakkhita-mahāthera	500 vị A-ra-hán	Vua Vattagāmani-abhaya (Sri Laṅka)	Theo Dīpavaṃsa, do nạn đói, chiến tranh & sự phát triển của phái Abhayagiri Vihāra, nên chư Tăng 1 phần vì chết, phần khác vì trí tuệ ngày càng giảm dần	Trùng tuyên & viết lại để bảo tồn được lâu hơn		Tipitaka được viết vào lá bối lần đầu tiên. Đức vua đã cho chép thành nhiều bản & cúng dường cho các nước khác
Lần 5	2414 năm sau khi Phật viên tịch (1871 A.D)	Tu viện Dakkhinārāma, Mandalay (Myanmar)	Chư Trưởng lão Jāgarābhivaṃsa, Narindābhidhaja, Sumaṅgalasāmi	2400 vị tỳ-kheo uyên bác Tam Tạng	Vua Mindon (Myanmar)	Chuẩn bị cho 1 ấn bản Tipitaka đồng nhất giữa các nước Phật giáo Theravāda và khắc vào các phiến cẩm thạch để bảo tồn được lâu hơn		5 tháng	Tipitaka được khắc trên 729 phiến cẩm thạch trắng, cao 1,5m, rộng gần 1m, khắc kín cả 2 mặt
Lần 6	2500 năm sau khi Phật viên tịch	Hang Mahāpāsāna, Kaba Aye,	Ngài Revata-mahāthera	2500 vị tỳ-kheo uyên bác Tam Tạng	Chính phủ Myanmar, đứng đầu là	Truyền bá Phật Pháp sâu rộng ra toàn thế giới		2 năm	Tipitaka & Aṭṭhakathā được in thành sách cũng như làm

[4] Theo tác phẩm "History of Buddhism in Ceylon" của ngài W.Rahula, cho rằng chẳng những kỳ Kết tập lần thứ 4 do Ngài Mahinda làm chủ tọa đã được viết thành văn mà còn kỳ kết tập lần thứ 3 tại India cũng đã viết Tipitaka và Aṭṭhakathā bằng Pāli ngữ rồi, vì thời kỳ vua Asoka đã có chữ viết rồi do dựa vào các bia ký mà vua để lại.

	(1945 – 56 A.D)	Yangon (Myanmar)			Thủ tướng U Nu			thành đĩa CD để phổ biến & lưu giữ tốt hơn

TIPIṬAKA (Tam tạng): Tam tạng theo nguyên tác Pāḷi (theo Tam tạng Sri Lanka) có tất cả 58 quyển, Việt ngữ có 55 quyển.

A. Vinaya-piṭaka (Luật Tạng) gồm những lời dạy của Phật về các điều học cho hàng xuất gia (tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, sa-di, sa-di ni), cách thức sinh hoạt của Tăng chúng cũng như các phương cách giải quyết các vấn đề nếu có giữa Tăng chúng. Luật tạng gồm có 3 phần:

I. Sutta-vibhaṅga (Phân Tích Giới Bổn) gồm 227 học giới của tỳ-kheo & 311 học giới của tỳ-kheo ni; gồm có 2 phần:

1. Pārājikapāḷi: gồm 4 *pārājika* (bất cộng trụ), 13 *saṅghādisesa* (tăng tàng), 2 *aniyata* (bất định), 30 *nissaggiya pācittiya* (ưng xả đối trị); gồm có 1 quyển [1. Phân Tích Giới Tỳ Khưu I]
2. Pācittiyapāḷi: gồm 92 *pācittiya* (ưng đối trị), 4 *pāṭidesanīya* (ưng phát lộ), 75 *sekhiya-dhamma* (ưng học pháp), 7 *adhikaraṇasamatha-dhamma* (các pháp dàn xếp tranh tụng), *bhikkhunī-vibhaṅga* (phân tích giới tỳ-kheo ni); gồm có 2 quyển [2. Phân Tích Giới Tỳ Khưu II & 3. Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni]

II. Khandhaka (Hợp Phần) gồm có 2 phần:

1. Mahāvaggapāḷi (Đại Phẩm) gồm 10 chương, nói về sự giác ngộ của Phật & cách hành Tăng sự theo Luật; được chia làm 2 quyển [4. Đại Phẩm I & 5. Đại Phẩm II]
2. Cūḷavaggapāḷi hay Cullavaggapāḷi (Tiểu Phẩm) gồm 12 chương, nói về cách hành Tăng sự tiếp theo Đại Phẩm, giới tỳ-khưu ni, 2 kỳ Kết tập Kinh điển; được chia làm 2 quyển [6. Tiểu Phẩm I & 7. Tiểu Phẩm II]

III. Parivāra (Tập Yếu) gồm các vấn đề linh tinh hay riêng lẻ; được chia làm 2 quyển [8. Tập Yếu I & 9. Tập Yếu II]

B. KINH TẠNG (Suttanta-piṭaka) gồm tất cả các bài Pháp mà đức Phật cũng như chư Thánh đệ tử (đã được Phật chấp nhận về tri kiến) đã thuyết trong suốt 45 hoằng Pháp của Phật; được chia thành 5 bộ:

I. Dīghanikāya (Trường Bộ): Gồm 34 bài Kinh dài & được chia làm 2 quyển [10. Trường Bộ I & 11. Trường Bộ II]

II. Majjhimanikāya (Trung Bộ): Gồm 152 bài Kinh vừa & được chia làm 3 quyển [12. Trung Bộ I, 13. Trung Bộ II, & 14. Trung Bộ III]

III. Saṃyuttanikāya (Tương Ưng Bộ): Gồm 7.762 bài Kinh được sắp xếp theo nhóm & được chia làm 5 quyển [15. Tương Ưng Bộ I, 16. Tương Ưng Bộ II, 17. Tương Ưng Bộ III, 18. Tương Ưng Bộ IV, & 19. Tương Ưng Bộ V]

IV. Anguttaranikāya (Tăng Chi Bộ): Gồm 9.557 bài kinh được sắp xếp thành nhóm theo từng chi Pháo & được chia thành 4 quyển [20. Tăng Chi Bộ I, 21. Tăng Chi Bộ II, 22. Tăng Chi Bộ III, & 23. Tăng Chi Bộ IV]

V. Khuddakanikāya (Tiểu Bộ) Gồm những lời dạy riêng lẻ theo từng chuyên mục khác nhau & được chia thành 15 tập:

(1) 24. Tiểu Tụng (Khuddakapṭhapāḷi) gồm những bài Kinh tụng.
(2) 25. Pháp Cú (Dhammapadapāḷi) gồm 423 câu kệ.
(3) 26. Phật Tự Thuyết (Udānapāḷi) gồm những điều do Phật tự thuyết.
(4) 27. Phật Thuyết Như Vậy (Itivuttakapāḷi). Dẫn chứng đức Phật thuyết.
(5) 28. Kinh Tập (Suttanipātapāḷi) tập hợp từ những bài kinh riêng lẻ.
(6) 29. Chuyện Thiên Cung (Vimānavatthupāḷi) gồm những câu chuyện liên quan đến Thiên giới
(7) 30. Chuyện Ngạ Quỷ (Petavatthupāḷi) gồm các câu chuyện liên quan đến Ngạ quỷ
(8) 31. Trưởng Lão Tăng Kệ (Theragāthāpāḷi) gồm những kệ ngôn của chư Thánh tăng
(9) 32. Trưởng Lão Ni Kệ (Theragāthāpāḷi) gồm những kệ ngôn của chư Thánh ni
(10) 33. Bổn Sanh I (Jātakapāḷi I) gồm những câu chuyện tiền kiếp của Phật.
  34. Bổn Sanh II (Jātakapāḷi II)
  35. Bổn Sanh III (Jātakapāḷi III)
(11) 36. Đại Diễn Giải (Mahāniddesapāḷi) gồm các sự giải thích & phân loại các Pháp ở nhiều lĩnh vực.
  37. Tiểu Diễn Giải (Cullaniddesapāḷi)
(12) 38. Phân Tích Đạo I (Paṭisambhidāmagga I) gồm sự thực hành hướng đến trí tuệ tột cùng.
  39. Phân Tích Đạo II (Paṭisambhidāmagga II)
(13) 40. Thánh Nhân Ký Sự I (Apadānapāḷi I) gồm lịch sử của Phật và chư Thánh Tăng và Thánh Ni.
  41. Thánh Nhân Ký Sự II (Apadānapāḷi II)
  42. Thánh Nhân Ký Sự III (Apadānapāḷi III)
(14) 43. Phật Sử (Buddhavaṃsapāḷi) gồm lịch sử của 24 vị Phật quá khứ.

(15) 44. Hạnh Tạng (Cariyāpitakapāḷi) gồm các câu chuyện tu tạo Pāramī của Phật.
45. Hướng Dẫn Chú Giải Tam Tạng Kinh Điển Nettippakaraṃam (Nettipakarana)
46. Petakopadesa (chưa dịch)
47. Milinda Vấn Đạo (Milindapañhapāḷi)

Lưu ý:
- Tam Tạng Thái Lan và Cambodia chỉ liệt kê Tiểu Bộ đến tập 42 theo truyền thống được ghi lại ở Chú Giải mà thôi. Nên chỉ có 15 tập, từ tập Tiểu Tụng đến Hạnh Tạng.
- Hai tập Tiểu Bộ Nettipakarana, Petakopadesa được thấy ở Tam Tạng Miến Điện và Sri Lanka.
- Tập Tiểu Bộ Milindapañhapāḷi được thấy ở Tam Tạng Miến Điện.
- Ba tập Nettipakarana, Petakopadesa, Milindapañhapāḷi đều được liệt kê vào Tam Tạng Song Ngữ Pali - Việt.
- Các tập Chuyện Thiên Cung, Chuyện Ngạ Quỷ, Trưởng Lão Tăng Kệ, Trưởng Lão Ni Kệ, Chuyện Tiền Thân Đức Phật của HT. Thích Minh Châu và GS. Phương Lan đã được đưa xuống phần Chú Giải.

C. Abhidhamma-piṭaka (Thắng pháp/Luận Tạng): Đề cập đến 4 pháp thực tính (sabhāva) là tâm, tâm sở/sở hữu tâm, sắc pháp, & Níp-bàn qua nhiều cách phân tích & chia chẻ để thấy rõ được Tam tướng đối với các pháp hữu vi. Đây là giáo lý tinh yếu trong đạo Phật, không những hữu ích cho các học giả Abhidhamma, mà còn cho các minh sát thiền giả. Thắng pháp Tạng gồm 7 bộ:

I. Dhammasaṅganī (Bộ Pháp Tụ) gồm những Pháp tập hợp theo tụ hay gọi là chương, có tất cả bốn chương là: a) Chương phân loại tâm, b) Chương phân loại sắc pháp, c) Chương toát yếu & d) Chương trích yếu. Bộ này gồm có 1 quyển [48. Bộ Pháp Tụ]

II. Vibhaṅga (Bộ Phân Tích) tức sự phân chia đầu đề trong bộ Pháp Tụ, gồm 22 đầu đề tam và 100 đầu đề nhị, chia làm 18 phân tích như là Uẩn phân tích (phân chia Uẩn), Xứ phân tích (phân chia Xứ)… Bộ này gồm có 1 quyển [49. Bộ Phân Tích]

III. Dhātukathā (Bộ Chất Ngữ) gồm các giải thích về 6 vấn đề là: a) Uẩn chế định là sự chế định vấn đề của Uẩn; b) Xứ chế định là sự chế định vấn đề của Xứ; c) Giới chế định là sự chế định vấn đề của Giới; d) Đế chế định là sự chế định vấn đề của Đế; e) Quyền chế định là sự chế định vấn đề của Quyền; & f) Nhân chế định là sự chế định vấn đề về Người.

IV. Puggalapaññattipāḷi (Bộ Nhân Chế Định) gồm các tranh luận có logic để giải thích nhân quả cho thấy rằng luận điểm của phần tha ngôn (các vị tỳ khưu trong bộ phái cắt ra từ Trưởng Lão Bộ trong thời đại đế Asoka) với số lượng 219 quan điểm sai

lệch với Phật ngôn xưa mà các vị tỳ khưu Trưởng Lão Bộ đã thực hành theo. Bộ III và IV này gom chung thành 1 quyển [51. Bộ Chất Ngữ & Nhân Chế Định]

V. Kathāvatthu (Bộ Ngữ Tông) gồm các giải thích về vấn đề 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới theo đầu đề của bộ với số lượng 105 câu và đầu đề từ bộ Pháp Tụ với số lượng 266 câu (mẫu đề tam 66 câu trong 22 nhóm và nhị đề 200 câu trong 100 nhóm) trình bày bởi nhiều cách khác nhau (số lượng 14 cách). Bộ này gồm có 1 quyển [50. Bộ Ngữ Tông]

VI. Yamakapa (Bộ Song Đối) gồm các phần vấn – đáp về vấn đề mười nhóm Pháp thực tính theo phương pháp hai câu là câu hỏi – câu trả lời thành một đôi là cách đặc biệt của bộ này. Mười nhóm pháp thực tính này chia ý chính của bộ Song Đối ra mười song, gọi tên theo nhóm pháp thực tính có phần chính là: Căn song, Uẩn song,… Bộ này có 1 quyển [52. Bộ Song Đối]

VII. Paṭṭhāna (Bộ Vị Trí) gồm các phân tích đầu đề pháp thực tính hay đầu đề có tất cả 266 câu (112 nhóm) trong bộ Pháp Tụ bởi mãnh lực của 24 duyên như Nhân duyên… để cho thấy là tất cả pháp thực tính có quy luật sanh lên theo nhân duyên. Tất cả không sanh lên theo sự điều khiển của người nào nhưng diễn tiến theo quy luật của pháp tự nhiên gọi là định luật tâm, định luật nghiệp, định luật pháp. Bộ này gồm có 3 quyển [53. Bộ Vị Trí I&II, 54. Bộ Vị Trí 3&4, và 55. Bộ Vị Trí 5&6]